

Bản án số: 540/2022/HS-PT

Ngày: 15-12-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Tồn**

*Các thẩm phán:* Ông **Đặng Kim Nhân**

Ông **Nguyễn Văn Tào**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Hồng Phượng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 446/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo **Vũ Thị T** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thị Nh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*Bị cáo bị kháng cáo:*

**Vũ Thị T**, sinh năm 1977 tại Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: 30 đường Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Vũ Đình T1 (Chết) và con bà Nguyễn Thị N1 (SN 1941); chồng Nguyễn Chí K, sinh năm 1974 (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2020; bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa:** Ông Nguyễn Hồng H, Luật sư Văn phòng Luật sư N2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T theo yêu cầu của Tòa án. Vắng mặt.

**- Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1963; trú tại: 25 đường D, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

*Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hoà tiếp nhận đơn của một số công dân tố cáo Vũ Thị T có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, trong đó có bà Nguyễn Thị Nh, cụ thể như sau:

Vào tháng 4/2018, thông qua môi giới Vũ Thị T mua hai thửa đất, cụ thể như sau:

- Thửa đất số 356, tờ bản đồ số 2, diện tích 780m<sup>2</sup> tại thôn P1, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa của ông Lê Hồ B, sinh năm 1985, trú tại: KP7, phường TS, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận và bà Hà Khánh Tr, sinh năm 1987, trú tại: Tổ 1 Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Thửa đất số 391, tờ bản đồ số 2, diện tích 815m<sup>2</sup> tại thôn P1, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa của bà Trần Thị M, sinh năm 1954, trú tại: Thôn P1, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa.

Toàn bộ 02 thửa đất trên, Vũ Thị T mua lại của bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1958, trú tại: 95 đường HV, Phường Y, Quận Y1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị 4.500.000.000 đồng. Nhưng đến ngày 17/4/2018, Vũ Thị T lại ký hợp đồng mua, bán trực tiếp với bà Trần Thị M và ông Lê Hồ B là chủ sở hữu các lô đất trên (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng A).

Sau khi mua 02 lô đất, Vũ Thị T đến gặp bà Nguyễn Thị Nh rủ góp vốn mua chung 02 lô đất trên, đồng thời thỏa thuận tiền góp vốn là 50%/ tổng số tiền mua 02 lô đất là 4.500.000.000 đồng. Vũ Thị T được đứng tên hợp đồng mua, bán và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Vũ Thị T có trách nhiệm chuyển mục đích sử dụng đất của 02 lô đất trên. Sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất xong, Vũ Thị T có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của 02 lô đất trên cho bà Nguyễn Thị Nh giữ. Sau đó tìm người bán lại, tiền góp vốn và tiền lời bán 02 lô đất trên thì chia đôi. Sau khi xem 02 lô đất, bà Nh đồng ý thỏa thuận như trên và đồng ý góp vốn mua 02 lô đất với Vũ Thị T, đồng thời bà Nh đã giao cho Vũ Thị T 2.250.000.000 đồng. Việc giao và nhận tiền giữa bà Nh và Vũ Thị T đã được T viết giấy nhận tiền vào ngày 17/5/2018 và đã viết lại vào ngày 18/9/2018.

Sau khi nhận tiền góp vốn từ bà Nh, Vũ Thị T đã sử dụng toàn bộ số tiền đã nhận để trả nợ cho các khoản vay, lãi vay mà trước đó Vũ Thị T đã vay để mua 02 lô đất trên. Tiếp đó để chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa lên đất thổ cư của 02 lô đất trên, Vũ Thị T đã gặp và nhờ Nguyễn Xuân Đ thực hiện

công việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đồng thời, Vũ Thị T yêu cầu bà Nh đưa 50.000.000 đồng và Vũ Thị T bỏ ra 20.000.000 đồng để đưa ông Đ thực hiện công việc. Việc giao nhận tiền giữa bà Nh và Vũ Thị T đã được Vũ Thị T viết giấy nhận tiền đề ngày 24/4/2019. Do ông Đ không thực hiện được công việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên Vũ Thị T đã lấy lại 70.000.000 đồng đã đưa cho ông Đ mà không trả lại cho bà Nh 50.000.000 đồng đã nhận trước đó.

Sau khi mua 02 lô đất và đứng tên, Vũ Thị T sử dụng như sau:

Đối với thửa đất số 356, tờ bản đồ số 2, diện tích 780m<sup>2</sup> tại thôn P1, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa của ông Lê Hồ B, Vũ Thị T đã thế chấp vay của bà Vũ Thị C, sinh năm 1963, trú tại: 6/16 đường L1, phường A1, quận B, thành phố Cần Thơ 650.000.000 đồng.

- Đối với thửa đất số 391, tờ bản đồ số 2, diện tích 815m<sup>2</sup> tại thôn P1, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa của bà Trần Thị M. Do Vũ Thị T nợ tiền của ông Phạm B1, sinh năm 1963, trú tại: 69/4 đường Đ1, phường V1, thành phố N 500.000.000 đồng nên Vũ Thị T đã thỏa thuận, thống nhất với ông B1 sẽ hủy hợp đồng mua bán thửa đất trên với bà M để bà M ủy quyền cho ông B1 chuyển nhượng thửa đất trên.

Ngày 11/6/2019, Vũ Thị T ký văn bản hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/4/2018 với bà Trần Thị M đối với thửa đất trên (Văn bản hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập và công chứng tại Văn phòng Công chứng A). Cùng ngày 11/6/2019, bà Trần Thị M cùng các con là Trần Nhật L, Trần Thị Mai Hồng P2 cùng trú tại thôn P1, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa đã ký hợp đồng ủy quyền cho ông B1. Nội dung ủy quyền: Ông Phạm B1 được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt, thế chấp, ký hợp đồng đặt cọc, ký hợp đồng chuyển nhượng...đối với thửa đất trên (Hợp đồng ủy quyền được lập và công chứng tại Văn phòng Công chứng A). Ngày 13/5/2020, ông B1 ký hợp đồng bán thửa đất trên cho ông Bùi Minh C1, sinh năm 1978, trú tại thôn P1, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa (Hợp đồng mua, bán được lập và công chứng tại Văn phòng Công chứng A). Hiện tại thửa đất trên đã được UBND huyện D2 chỉnh lý sang tên cho ông Phạm Minh C1 vào ngày 27/5/2020. Toàn bộ việc làm này, Vũ Thị T không báo cho bà Nh biết.

Căn cứ vào Giấy biên nhận lập ngày 17/5/2018, ngày 18/9/2018 và ngày 24/4/2019. Ngày 18/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định trưng cầu giám định số 29/QĐ-VPCQCSĐT gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa giám định chữ viết, chữ ký tài liệu trên. Bản kết luận số 64/GĐTP/2022/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Chữ ký, chữ viết trên các giấy biên nhận là do Vũ Thị T viết và ký ra.

Vũ Thị T sau khi nhận tiền của bà Nh và những người bị hại khác đã bỏ đi khỏi địa phương. Do không liên lạc được với T nên những người này đã gửi đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa.

Qua xác minh tại địa phương, Vũ Thị T hiện không có mặt tại địa phương. Xác minh tại Bệnh viện 87 N xác định: Ngày 25/5/2005, Giám đốc Bệnh viện 87 N ký Quyết định số 135/QĐ-HC về việc tuyển dụng bà Vũ Thị T vào làm việc. Ngày 09/9/2019, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Bộ Quốc phòng ký Quyết định số 467/QĐ-HC về việc phục viên của quân nhân chuyên nghiệp đối với bà Vũ Thị T, cấp bậc Thiếu tá, chức vụ nhân viên hành chính. Hiện tại, Vũ Thị T không có mặt tại Bệnh viện 87 N kể từ ngày 09/9/2019. Hiện tại không xác định Vũ Thị T đang làm gì, ở đâu.

Đến ngày 13/11/2020, Vũ Thị T đến Công an quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội đầu thú.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HSST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:***

Áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với Vũ Thị T,

*Xử phạt:* Vũ Thị T 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2020.

*\* Về bồi thường thiệt hại:* Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho các bị hại số tiền, vàng (vàng được quy ra VNĐ tại thời điểm thanh toán) mà bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể:

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn P 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng); ông Phan Văn H 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng); bà Nguyễn Thị T 3.090.790.000 đồng (Ba tỷ không trăm chín mươi triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng); bà Hồ Thị H 1.110.000.000 đồng (Một tỷ một trăm mười triệu đồng); và bà bồi thường cho bà Nguyễn Thị Nh 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng).

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.*

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 21/9/2022, bị hại bà Nguyễn Thị Nh kháng cáo về phần xử lý vật chứng; bà cho rằng CQĐT đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất số 365 tờ bản đồ số 2 diện tích 780m<sup>2</sup> nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý tang vật liên quan đến quyền lợi của cá nhân của Bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại Nguyễn Thị Nh giữ nguyên kháng cáo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng bị hại Nguyễn Thị Nh kháng cáo nhưng không có tình tiết gì mới đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về nội dung vụ án:*

Lợi dụng mối quan hệ quen biết và sự tin tưởng của các bị hại, từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 3 năm 2019, bị cáo Vũ Thị T đã vay, mượn tiền; rủ bị hại góp vốn mua đất chung để bán rồi chia lợi nhuận. Sau khi nhận tiền của bị hại, bị cáo không trả tiền đã vay, mượn; bán đất nhưng không trả lại tiền góp vốn và lợi nhuận; không giao đất cho bị hại, bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, đã chiếm đoạt tiền của nhiều người, trong đó, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Nh 2.300.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt các bị hại là 8.830.790.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Thị T 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vũ Thị T bồi thường cho bà Nguyễn Thị Nh 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) và một số bị hại khác trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2.] Xét kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Nh; bị hại bà Nguyễn Thị Nh kháng cáo về phần xử lý vật chứng, bà cho rằng CQĐT đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất số 365 tờ bản đồ số 2 diện tích 780m<sup>2</sup> nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý tang vật liên quan đến quyền lợi của cá nhân của Bà thì thấy:

Đối với thửa đất số 356, tờ bản đồ số 2, diện tích 780m<sup>2</sup> tại thôn P1, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa của ông Lê Hồ B, Nguyễn Thị Nh cùng góp vốn với Vũ Thị T, đã thế chấp vay của bà Vũ Thị C, sinh năm 1963, trú tại: thành phố Cần Thơ 650.000.000 đồng. Riêng thiệt hại của bà Nh, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Nh 2.300.000.000 đồng. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Nh, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt:* Vũ Thị T 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2020.

*Về bồi thường thiệt hại:* bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Nh 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) và một số bị hại khác trong vụ án như án sơ thẩm đã tuyên.

2. Án phí phúc thẩm: Bị hại không phải chịu theo qui định pháp luật.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSTHAHS – Ca. tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam công an tỉnh Khánh Hòa (01 bản cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVÀ, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Phạm Tôn**